

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC - QUÂN KHU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HS-ST
Ngày 03/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC - QUÂN KHU 1

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 4/ Vũ Quang Cường.

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Ma Công Báu;

4/ Lê Minh Thành.

- Thư ký phiên tòa: 3/ Trần Công Tuấn Anh, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực - Quân khu 1.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 tham gia phiên tòa: 3/ Lê Hoàng Đạt, Kiểm sát viên.

Ngày 03/12/2021, tại Hội trường Trại tạm giam Quân khu 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2021/TLST-HS ngày 15/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HS ngày 19/11/2021 đối với bị cáo:

Bàn Xuân G; tên gọi khác: Không; sinh ngày 09/9/1991; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Tiến S, sinh năm 1966 và bà Đặng Thị C, sinh năm 1966; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: 01 tiền án: Ngày 30/9/2019, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử Bàn Xuân G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS), xử phạt 06 tháng tù giam. Ngày 22/5/2020, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù; nhân thân: Tháng 9/2013 bị Công an huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 750.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích. Vi phạm trên đã được xóa và coi như chưa vi phạm. Bị tạm giam tại Trại tạm giam Quân khu 1 từ ngày 11/8/2021 đến nay; có mặt.

Bị hại: Hoàng Văn Q, sinh năm 1974, nghề nghiệp: Làm ruộng; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Đặng Thị C (tên gọi khác Bàn Thị M), sinh năm 1966; nghề nghiệp: Làm ruộng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; có mặt.

Người làm chứng:

- Bàn Thị T1; vắng mặt.
- Hoàng Minh H1; vắng mặt.
- Hoàng Văn D; vắng mặt.
- Hoàng Văn V; vắng mặt.
- Vũ Đức H2; có mặt.
- Chu Đăng T2; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 16/3/2021, Bàn Xuân G điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 97B1-314.23 đến khu vực đất quốc phòng tại rừng thông lô số 14, khoảnh 1, tiểu khu 140 theo bản đồ hiện trạng rừng xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn năm 2020 do ông Hoàng Văn Q là người quản lý, khai thác nhựa thông. Bị cáo nhặt 02 túi nilon màu xanh, đi bộ vào rừng thông, lấy trộm nhựa thông từ các túi đựng treo trên cây thì bị ông Q phát hiện truy hô: “Mày trộm nhựa của tao, mày đứng lại”. Thấy vậy, bị cáo vứt túi nhựa thông xuống đất rồi bỏ chạy, ông Q đuổi theo đứng chặn đường; bị cáo nhặt một cành cây khô (dài khoảng 01m, đường kính 06cm) vụt ông Q nhưng ông Q tránh được, nấp sau cây thông; bị cáo vụt tiếp vào thân cây nhằm đe dọa ông Q, đoạn cây gãy, bị cáo vứt và bỏ chạy được khoảng 600m thì bị ông Q và người dân bắt giữ. Công an xã thu giữ: 01 chiếc xe máy BKS 97B1-314.23 trong cốp xe có 01 đèn pin, 03 bom kim tiêm; 01 túi nilon màu xanh bên trong có chứa 2.265,5 gam nhựa thông.

Kết luận giám định số 3451/C09-P4 ngày 18/5/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, mẫu chất màu vàng nhạt dạng cục gửi giám định là nhựa cây thông, có tổng khối lượng 2.265,5 gam. Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐG ngày 15/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện N 2.265,5 gam nhựa thông có giá trị 101.947 đồng.

Biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 08 giờ 45 phút ngày 14/5/2021 và Biên bản khám nghiệm hiện trường bổ sung hồi 07 giờ 30 phút ngày 30/8/2021 xác định: Vị trí số 1 là vị trí bị cáo vứt túi nhựa thông; vị trí số 2 là vị trí bị cáo nhặt đoạn cây vụt về phía ông Q rồi vụt đoạn cây bỏ chạy. Địa điểm, vị trí, khoảng cách trong biên bản khám nghiệm hiện trường phù hợp với lời khai của bị cáo và bị hại.

Công văn số 1429/BCH-HC ngày 10/6/2021 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh BK xác định: Khu đất trồng cây thông tại lô số 14, khoảnh 1, tiểu khu 140 theo bản đồ hiện trạng rừng xã T năm 2020 là đất quốc phòng do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh BK quản lý.

Tại phiên tòa, bị cáo Bàn Xuân G thừa nhận hành vi của mình theo Cáo trạng đã truy tố: Do bản thân nghiện ma túy, thấy rừng thông vắng người nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, khi bị chủ rừng phát hiện, đứng đón đường không cho đi, lo sợ bị bắt giữ bị cáo đã nhặt một cành cây (dài khoảng 01m to bằng cổ tay) vụt về phía ông Q 01 lần nhằm chống trả, ông Q né được nấp sau gốc cây, bị cáo vụt tiếp 01 lần nữa vào thân cây nhằm đe dọa không cho ông Q đuổi theo, cành cây bị gãy, bị cáo tiếp tục bỏ chạy thì bị người thanh niên đứng đón đầu, sau đó người thanh niên, ông Q giữ bị cáo đưa đến vị trí để xe máy.

Bà Đặng Thị C khai bị cáo đã nhờ bà đến gặp ông Q thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại với số tiền 500.000 đồng; bà không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này.

Bị hại Hoàng Văn Q khai tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; khi ông đứng đón chặn đường không cho bị cáo đi, bị cáo đã nhặt cành cây khô vụt về phía ông, ông né được và lùi lại cách bị cáo 03m, bị cáo tiếp tục vụt vào thân cây rồi bỏ chạy. Trong đơn đề nghị, ông Q không yêu cầu bồi thường thêm, đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và không nhận lại số nhựa thông còn lại sau giám định.

Tại giai đoạn điều tra Bàn Thị T1 khai xe máy BKS 97B1-314.23 là của mình, chị không biết bị cáo sử dụng vào việc trộm cắp tài sản nên đã cho bị cáo mượn xe, nay chị đã nhận được xe nên không có ý kiến gì.

Lời khai của người làm chứng Hoàng Minh H1, Hoàng Văn D, Hoàng Văn V, Vũ Đức H2, Chu Đăng T2 khai tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa phù hợp với diễn biến của vụ án, lời khai của bị cáo, bị hại.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng số 04/CT-VKSQSKV12 ngày 14/10/2021 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Bàn Xuân G từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ lúc bị cáo bị tạm giam (ngày 11/8/2021).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo, bà Đặng Thị C đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại, đã bồi thường xong.

Về xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy BKS 97B1-314.23 cho chủ sở hữu hợp pháp Bàn Thị T1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 1.549,2 gam nhựa thông còn lại sau giám định; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 01 đèn pin cũ, 03 bom kim tiêm.

Bị cáo phải chịu 200.0000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Bàn Xuân G thừa nhận hành vi phạm tội, nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên.

Nói lời sau cùng, bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 3 - Quân khu 1; Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 3 - Quân khu 1 kết luận điều tra và đề nghị truy tố bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS là chưa đánh giá tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội theo nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 16/3/2021, tại khu đất quốc phòng lô số 14, khoảnh 1, tiểu khu 140 theo bản đồ hiện trạng rừng xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn năm 2020, vì muốn có tiền tiêu sài cá nhân, Bàn Xuân G đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 2.265,5 gam nhựa thông, trị giá 101.947 đồng của ông Hoàng Văn Q. Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt khi chưa được xóa án tích về tội trộm cắp tài sản. Khi bị phát hiện, bị cáo đã vứt tài sản trộm cắp lại và dùng cành cây khô (kích thước khoảng 01m x 06 cm) vụt ông Q nhằm chống trả để tẩu thoát. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm đ khoản 2 Điều 173 BLHS với tình tiết định khung “Hành hung để tẩu thoát”. Đề nghị của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích, tình tiết này là dấu hiệu định tội nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; tài sản trộm cắp được thu hồi ngay, hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn; bị cáo tự nguyện nhờ gia đình thỏa thuận bồi thường cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”; “Phạm tội gây thiệt hại không lớn”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo ăn năn hối cải”; “Bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo” quy định tại điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. HĐXX thấy bị cáo đã bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục có hành vi phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật; vì vậy cần hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, HĐXX xét thấy hành vi chống trả của bị cáo không quyết liệt đến cùng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên HĐXX cần phán quyết mức án phù hợp nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Do bị cáo không có công việc làm ổn định, không có thu nhập nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận trong quá trình điều tra bị cáo đã nhờ mẹ của mình bà Đặng Thị C thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho ông Hoàng Văn Q số tiền 500.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận bồi thường thiệt hại ngày 20/9/2021. Bà Đặng Thị C không yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền 500.000 đồng mà bà đã bỏ ra bồi thường cho bị hại nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại chiếc xe mô tô BKS 97B1-314.23 cho chủ sở hữu hợp pháp Bàn Thị T1, do chị T1 không biết bị cáo dùng vào việc trộm cắp tài sản là đúng quy định pháp luật.

Đối với vật chứng là cành cây khô mà bị cáo dùng để vụt ông Q, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với vật chứng là 01 túi nilon màu xanh chứa mẫu chất vàng nhạt dạng cục lẫn các vỏ, cành, lá thực vật có tổng khối lượng 1.549,2 gam (nhựa thông còn

lại sau giám định) theo Biên bản niêm phong, đóng gói và giao, nhận lại đối tượng giám định ngày 02/6/2021 là tài sản của ông Hoàng Văn Q, ông Q không nhận lại. Nhựa thông có giá trị theo kết luận định giá tài sản. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 1.549,2 gam nhựa thông còn lại sau giám định.

Bị cáo không nhận lại các vật gồm: 01 đèn pin màu đen cam cũ đã qua sử dụng, 03 bơm kim tiêm đựng trong túi nilon màu trắng theo Biên bản tạm giữ phương tiện, đồ vật vi phạm do Công an xã T lập hồi 12 giờ 00 phút ngày 16/3/2021, vật không còn giá trị sử dụng nên áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Bàn Xuân G phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Bàn Xuân G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo **Bàn Xuân G 02 (hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 11/8/2021.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường xong về thiệt hại cho ông Hoàng Văn Q với số tiền 500.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận bồi thường thiệt hại lập ngày 20/9/2021.

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 1.549,2 gam nhựa thông còn lại sau giám định theo Biên bản niêm phong, đóng gói và giao, nhận lại đối tượng giám định ngày 02/6/2021.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 đèn pin, 03 bơm kim tiêm theo Biên bản tạm giữ phương tiện, đồ vật vi phạm do Công an xã Thượng Quan lập hồi 12 giờ 00 phút ngày 16/3/2021.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, bị cáo Bàn Xuân G phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/12/2021) bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án bị hại có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Quân khu 1./.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT/TAQSTW;
- Văn phòng/TAQSTW (Qlý. LLTP);
- VKSQSQK1;
- VKSQSKV12(02b);
- PTHAQK1;
- CQTHAHSQK1;
- CQĐTHSKV3;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NVLQĐVA (01b);
- Hồ sơ vụ án (02b);
- Lưu: Hồ sơ THAHS; Cg12b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

4/ Vũ Quang Cường